

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Bà **Lê Ái Nguyên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc việc **“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị N** – sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu T** – sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị N và anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long ngày 26/12/2008. Đời sống chung không hạnh phúc, phát sinh Nều mâu thuẫn do anh T hay uống rượu, chơi bời, không lo lắng cho chị N. Chị N và anh T đã ly thân với nhau từ tháng 5/2016 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương R, sinh ngày 13/01/2010. Hiện tại anh T đang trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn chị N đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị N xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T thống nhất việc anh và chị N kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định ngày 26/12/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long. Thống nhất anh T và chị N đã ly thân với nhau từ tháng 5/2016 đến nay. Anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: anh T thống nhất anh và chị N có một con chung tên Nguyễn Thị Phương R, sinh ngày 13/01/2010. Anh T đồng ý với ý kiến của chị N về việc sau khi ly hôn anh T tiếp tục nuôi con chung. Anh T đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi con nên không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh T không yêu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung, thống nhất không có nợ chung.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Chị N và anh T kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh T thống nhất ly hôn nên áp dụng Điều 55 luật Hôn nhân gia đình công nhận chị N và anh T thuận tình ly hôn. Về con chung, chị N và anh T thống nhất sau khi ly hôn anh T tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Thị Phương R, sinh ngày 13/01/2010 nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị N yêu cầu ly hôn và anh T có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* xét thấy, chị N và anh T kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 26/12/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình làm việc tại tòa án, chị N và anh T thống nhất ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận chị Phan Thị N và anh Nguyễn Hữu T thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Chị N và anh T thống nhất sau khi ly hôn anh T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Phương R, sinh ngày 13/01/2010. Xét thấy việc chị N và anh T thỏa thuận việc nuôi con phù hợp nguyện vọng của con chưa thành niên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T đang trực tiếp nuôi con chung nên không buộc chị N có nghĩa vụ giao con cho anh T. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh T xác định đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị N phải nộp 300.000đ, đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011556 ngày 08/3/2018 nay chuyển thu án phí.

Anh T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị N và anh Nguyễn Hữu T thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T là sau khi ly hôn anh T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Phương R - sinh ngày 13/01/2010. Chị N có quyền và nghĩa vụ quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị N phải nộp 300.000đ, đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011556 ngày 8/3/2018 nay chuyển thu án phí.

Anh T không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND TT Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lư Trường Lâm